TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 12 - 2021
"V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 11, ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967. *Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp*. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Thái Thị G, sinh năm 1975. *Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.* (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái Văn Ch, sinh năm 1960. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1993. Con bà G (có mặt)

3.3. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 2005. Con bà G (có mặt)

3.4. Ông Thái Văn C, sinh năm: 1954. Cha của bà G (có mặt)

3.5. Bà Võ Thị N, sinh năm: 1955. Mẹ của bà G

(Bà Võ Thị N đã ủy quyền cho ông Thái Văn C tại văn bản ngày 29/11/2021)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phan Thị T, sinh năm: 1967. *Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)*

4.2. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm:1972. *Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)*

4.3. Bà Võ Thị L, sinh năm: 1975. *chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Thái Thị G kết hôn với nhau năm 1992, lúc đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và khởi kiện đến Tòa án, thì vào ngày 23/9/2019 Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông với bà G, khi ly hôn thì tài sản chung ông với bà G nêu là tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau đó thỏa thuận không được, lý do bà G đổi ý không chia cho ông, nay ông khởi kiện yêu cầu bà G chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, gồm các tài sản như sau:

+ 01 chiếc xe Honda Future biển số 66G1-19913 mua năm 2015 hiện do bà G đứng tên giấy xe và quản lý. Nay ông yêu cầu bà G chia cho ông giá trị ½ chiếc xe, còn xe thống nhất giao bà G sử dụng.

+ 01 chiếc xe Cúp 50 biển số 66GA-03475 hiện do bà G đứng tên giấy chứng nhận, còn xe do ông quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng xe, đồng ý chia ½ giá trị xe cho bà G và yêu cầu bà G sang tên cho ông chiếc xe này.

+ 01 căn nhà ngang 05m, dài 12m nền gạch, vách tường, lợp ton (nhà cấp 4) xây dựng tháng 8 năm 2018 (hiện do bà G đang quản lý sử dụng), 01 căn nhà ngang 04m, dài 15 nền lót gạch, khung gỗ, lợp ton, cất năm 2010 (hiện do ông đang quản lý sử dụng) và phần đất để xây, cất 02 căn nhà trên theo đo đạc thực tế là 259m^2 thuộc thửa 124, 198 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Ông yêu cầu được hưởng 02 căn nhà và đất, đồng ý chia giá trị ½ nhà và đất cho bà G hoặc bà G hưởng nhà và đất chia ½ giá trị cho ông.

+ 01 bộ ghế (Lớn) tiếp khách mua năm 2019 do bà G đang quản lý, sử dụng. Nay ông yêu cầu được chia giá trị ½, còn hiện vật giao bà G.

+ 01 bộ ghế (Nhỏ) tiếp khách mua năm 2019 do bà G đang quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu được chia giá trị ½, còn hiện vật giao bà G.

+ 01 cái ti vi hiệu Panasonic (Lớn) 43 in do bà G đang quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu được chia giá trị ½, còn hiện vật giao bà G.

+ 01 cái ti vi hiệu Panasonic (nhỏ) 32 in do ông đang quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng, đồng ý chia giá trị ½ cho bà G.

+ 01 cái tủ lạnh hiệu Aqua do ông đang quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng, đồng ý chia giá trị ½ cho bà G.

***- Bị đơn bà Thái Thị G trình bày*:** Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 1992, lúc đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và khởi kiện đến Tòa án, thì vào ngày 23/9/2019 Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn, khi ly hôn thì tài sản chung bà trình bày là tự thỏa thuận với nhau, trước khi ly hôn thì bà với ông T đã có nhiều lần ly thân, rồi hòa thuận lại, đến năm 2017 thì bà với ông T chính thức ly thân, bà và con ra ở mái trại cập nhà cha mẹ ruột ở, phía trước nhà chung (ở riêng, ăn riêng, làm riêng), căn nhà chung ngang 04m, dài 15m nhà nền gạch, vách tong, lợp tol, khung gỗ bà để lại cho ông T quản lý sử dụng, sau đó vào tháng 8 năm 2018 bà có xây cất riêng căn nhà cấp 4, trước căn nhà chung mà bà giao lại ông T đang ở, do đó căn nhà này không liên quan gì đến ông T, đây là tài sản riêng của bà, nên bà không đồng ý chia cho ông T.

+ Đối với 02 chiếc xe mà ông T đòi chia thì bà không đồng ý vì xe này do tiền cá nhân của bà mua. Tuy nhiên ý kiến của bà là đối với chiếc xe Honda Future biển số 66G1-19913 (mua năm 2015, bà đang quản lý) bà yêu cầu được sử dụng không đồng ý chia cho ông T ½ giá trị, còn chiếc xe Cúp 50 biển số 66GA-03475 (mua năm 2016, ông T đang quản lý) bà đồng ý giao ông T sử dụng, không yêu cầu ông T chia ½ giá trị chiếc xe trên.

+ Đối với 02 bộ bàn ghế tiếp khách lớn và nhỏ mua năm 2019 (sau khi cất nhà năm 2018), hiện do bà quản lý, đây là tài sản riêng của bà, nên bà không đồng ý chia cho ông T,

+ Đối với 01 cái tivi panasonic 43 in, ti vi này bà mua sau khi cất nhà và bà đang quản lý, đây là tiền riêng của bà, nên bà không đồng ý chia cho ông T.

+ Đối với 01 cái ti vi hiệu Panasonic (nhỏ) 32 in và 01 cái tủ lạnh hiệu Aqua thì hiện tại ông T đang sử dụng tại căn nhà cũ, bà thống nhất giao ông T tiếp tục sử dụng, bà không yêu cầu chia.

+ Đối với căn nhà ngang 04m, dài 15 nền lót gạch, khung gỗ, lợp ton cất năm 2010 (nhà cũ) được cất gắn liền với diện tích đất chung, ngang trước và sau 05m, dài 01 cạnh 37,5m, 01 cạnh là 32,6m hiện căn nhà do ông T quản lý sử dụng, bà đồng ý giao cho ông T tiếp tục sử dụng, bà không yêu cầu ông T chia.

+ Đối với phần đất cất gắn liền với hai căn nhà trên, đây là tài sản chung, nên bà yêu cầu được chia ½ diện tích phần đất, với hình thức chia theo vị trí đã được cất nhà (bà ở phần phía trước giáp lộ, ông T phần nối tiếp phía sau). Qua đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích là 259m^2, thuộc thửa 124, 198, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Cho nên bà yêu cầu được hưởng ½ diện tích là 129,5m^2. Nếu trường hợp Tòa án xét xử cho bà được hưởng diện tích đất là 129,5m^2 nhưng căn nhà của ông T đang ở có dính vào một phần đất bà được hưởng thì bà đồng ý để ông T tiếp tục sử dụng đến khi nào ông T cất nhà mới thì trả đất lại cho bà.

- Trình bày của chị Nguyễn Thị Trúc M (con của ông T, bà G, đã có chồng sống riêng): Việc tranh chấp chia tài sản của cha, mẹ chị không có yêu cầu

gì cả, vì tất cả các tài sản đều của cha, mẹ, chị không có quyền, nghĩa vụ trong đó. Nhưng chị có ý kiến là lời trình bày của mẹ là không đúng, vì trước khi ly hôn cha, mẹ không có ly thân, chì có giận hờn nhau rồi lại hòa thuận, tất cả số tài sản nêu trên đều là tài sản chung của cha mẹ, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Trình bày của anh Nguyễn Thành L (con của ông T, bà G, hiện đang sống với bà G): Việc tranh chấp chia tài sản của cha, mẹ anh không có yêu cầu gì cả, vì tất cả các tài sản đều của cha, mẹ, anh không có quyền, nghĩa vụ trong đó. Tuy nhiên anh có ý kiến là lời trình bày của cha là không đúng, vì cha mẹ đã có ly thân (ăn riêng, làm riêng) trước khi ly hôn mấy năm, mẹ thì đi bán bún, anh thì đi làm thuê đưa tiền cho mẹ dành dụm và mẹ có mượn, vay tiền người khác để xây cất căn nhà cấp 4 để hai mẹ con ở và sắm một số tài sản khác, như mẹ đã trình bày là hoàn toàn đúng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Trình bày của người liên quan ông Thái Văn C: Phần đất tranh chấp giữa ông T với bà G là có nguồn gốc của cha mẹ ông để lại, sau khi cha mẹ ông chết (không nhớ năm) ông mới cắt chia cho các anh em, trong đó có người anh thứ 3 tên Thái Văn K, chiều ngang 05 mét, chiều dài khoảng 50 mét, anh K nhận đất nhưng không cất nhà ở mà bán lại cho vợ chồng ông T, bà G ở sử dụng cho đến nay. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận và ông cũng không đi đăng ký, nay anh K không rỏ địa chỉ ở đâu và ông cũng không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất này, vì anh K đã bán cho vợ chồng ông T, bà G rồi.

- Trình bày của người liên quan ông Thái C, đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N): Việc tranh chấp chia tài sản của các con là Nguyễn Văn T, Thái Thị G thì ông, bà không có ý kiến, tuy nhiên qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì được biết phần hai căn nhà của T và G có phạm vào một phần đất của ông bà, nhưng trong vụ án này ông bà không tranh chấp, để thỏa thuận sau, vẫn để cho T và G tiếp tục ở.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự sau phần phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

+ Đối với phần đất tranh chấp: Là một phần trong phần đất của ông, bà nội của bà G để lại cho ông Thái Văn C. Ông C phân chia cho các anh chị em. Trong đó, phần đất tranh chấp là chia cho ông Thái Văn K. Năm 2007 ông K chuyển nhượng cho vợ chồng bà G, ông T. Do đó, đây là tài sản chung của ông T, bà G, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ *Đối với căn nhà gỗ (phía sau):* Bà G, ông T đều thừa nhận cất năm 2006, là tài sản chung, hiện ông T đang quản lý, sử dụng.

+ *Đối với căn nhà cấp 4, phía trước:* Bà G, ông T đều thừa nhận cất năm 2018.

+ *Các tài sản khác gồm:* Một chiếc xe Future biển kiểm soát 66G1-199.13, trị giá 20.000.000đ (bà G quản lý); Một chiếc xe Cup 50 biểm kiểm soát 66GA-034.75, trị giá 7.000.000đ (ông T quản lý), *(Hai chiếc xe này, bà G cho là mua vào năm 2015);* Một bộ bàn ghế (lớn) nhà trước (bà G quản lý); Một bộ bàn ghế (nhỏ) nhà trước (bà G quản lý); Một tivi Panasonic lớn (bà G quản lý), *(Ba loại tài sản trên, bà G cho là mua vào năm 2018, 2019);* Một tivi Panasonic nhỏ (ông T quản lý); Một tủ lạnh Panasonic (ông T quản lý), *(Hai loại tài sản trên, bà G cho là mua vào năm 2015).*

Về chứng cứ:

- Tại biên bản đối chất ngày 12/11/2021, ông T, bà G thừa nhận: Ly thân năm 2017. Từ năm 2018, tiền của ai làm được thì tự quản lý.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng tất cả tài sản trên đều là tài sản chung của ông và bà G. Tuy nhiên, ông không có căn cứ chứng minh. Ngược lại, bị đơn bà Thái Thị G có căn cứ chứng minh các tài sản sau đây là của cá nhân bà hình thành sau thời gian ly thân với ông T:

+ Một căn nhà cấp 4, bê tông cốt thép 05m x 12m (nhà phía trước, cất năm 2018, hiện bà G quản lý).

+ Một bộ bàn ghế (lớn) nhà trước mua năm 2019 (bà G quản lý).

+ Một bộ bàn ghế (nhỏ) nhà trước mua năm 2019 (bà G quản lý).

+ Một tivi Panasonic lớn mua năm 2019 (bà G quản lý).

Các tài sản này do bà tự mua từ nguồn tiền của cá nhân bà G, phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng như: T, K, L. Do đó, đây là tài sản riêng của bà G.

- Đối với chiếc xe Future biển kiểm soát 66G1-199.13, bà G quản lý và cho rằng tài sản riêng của bà. Tuy nhiên, bà mua vào năm 2015, lúc này bà và ông T vẫn còn là vợ chồng. Nên đây là tài sản chung của ông T, bà G.

- Các tài sản sau đây mặc dù là tài sản chung, nhưng bà G không yêu cầu chia, thống nhất giao cho ông T được quyền sở hữu:

+ Một chiếc xe Cup 50 biểm kiểm soát 66GA-034.75, mua năm 2015 (ông T quản lý).

+ Một tivi Panasonic nhỏ (ông T quản lý).

+ Một tủ lạnh Panasonic (ông T quản lý).

+ Một căn nhà gỗ 04m x 15m (ông T quản lý).

Từ phân tích và chứng cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Thái Thị G chia 50% giá trị chiếc xe Future biển kiểm soát 66G1-199.13 cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự tự nguyện của bà G về việc giao ông T được quyền sở hữu các tài sản:

+ Một chiếc xe Cup 50 biểm kiểm soát 66GA-034.75, mua năm 2015 (ông T quản lý)

+ Một tivi Panasonic nhỏ (ông T quản lý).

+ Một tủ lạnh Panasonic (ông T quản lý).

+ Một căn nhà gỗ 04m x 15m (ông T quản lý);

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà G về việc yêu cầu chia 50% phần đất diện tích 259m^2, thửa số 124, 198, tờ bản đồ số 12.

4. Công nhận sự tự nguyện của bà G về việc: Nếu căn nhà nhỏ phía sau (ông T quản lý sử dụng) có một phần nằm trên đất mà bà được hưởng thì bà thống nhất để ông T sử dụng, khi nào cất lại nhà mới thì trả lại đất đúng ranh đất cho bà.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Hồng Ngự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với người liên quan Thái Văn C, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và những người làm chứng cũng đều vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hồ sơ vụ án và trình của ông T, bà G thì: Ông T, bà G sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm 2002 đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ban đầu có hạnh phúc và đã sinh được 02 người con tên Nguyễn Thị Trúc M, Nguyễn Thành L, đời sống gia đình chủ yếu là buôn bán của bà G, ông T thì đi làm thuê (ai kêu gì làm nấy), nhưng cũng có tạo lập được một số tài sản. Tuy nhiên đến khoảng năm 2014, 2015 thì phát sinh mâu thuẩn trong đời sống vợ chồng, rồi hòa hợp lại, đến năm 2017 thì hai người bắt đầu ly thân, ông T thì tiếp tục ở căn nhà chung, bà G cùng con (Thanh L) sang ở mái trại cập nhà cha mẹ ruột (phía trước căn nhà chung), cho đến khi xây căn nhà mới cấp 4) vào năm 2018 (việc này được sự thừa nhận của ông T, bà G và xác nhận của ông Thái Văn C, bà Võ Thị N – cha mẹ

ruột bà G, cũng như các con của ông T, bà G), cuộc sống bắt đầu không còn ăn chung, làm chung nữa kể từ đó, đến năm 2019 bà G khởi kiện ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã ban hành Quyết định số: 187/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019 công nhận sự thuận tình ly hôn của ông T, bà G, tại phiên thuận tình ly hôn này ông T, bà G không khai ra tài sản chung, mà cho rằng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông T khai rằng vợ chồng trước khi ly hôn có một số tài sản như nêu trên; bà G thì chỉ thừa nhận một phần, còn một phần cho rằng là tài sản riêng của bà mua sắm và xây dựng trong khoảng thời gian ly thân. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trên cơ sở khai nhận của ông T, bà G thì hai người bắt đầu ly thân kể từ năm 2017 và cuộc sống riêng lẽ, tự tạo của hai người cũng kể từ đây, mặc dù còn trong thời kỳ hôn nhân (chưa ly hôn), nhưng ông T, bà G đã thừa nhận việc ăn riêng, làm riêng, nghĩa vụ, quyền lợi ai nấy hưởng và nấy chịu, xem như không còn quan hệ cùng chung cuộc sống vợ chồng, do đó cần phải xem xét đến thời gian hình thành tài sản để có phương hướng giải quyết một cách thỏa đáng, hợp tình, hợp lý, đúng thực tế, đúng pháp luật – có như thế mới đảm bảo được quyền lợi của các bên. Như vậy đối chiếu lại số tài sản nêu trên thì trong đó:

* Số tài sản mà ông T, bà G cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trước khi ly thân (hình thành trước năm 2017) là:

+ Một phần đất theo đo đạc thực tế là 259m^2 thuộc thửa 124, 198 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này chuyển nhượng của ông Thái Văn K vào năm 2007 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – giá trị định giá là: 400.000 đồng/m^2).

+ Một căn nhà ngang 04 mét, dài 15 mét, nền lót gạch, khung gỗ, lợp tôn cất năm 2010 ở vị trí phần sau diện tích đất nêu trên (nhà cũ), hiện do ông T quản lý sử dụng. (giá trị định giá là: 44.773.000 đồng)

+ Một chiếc xe Honda Future biển số 66G1-19913 (mua năm 2015, giá trị định giá là: 10.400.000 đồng) – (bà G đứng tên giấy đăng ký xe và đang quản lý sử dụng).

+ Một chiếc xe Cúp 50 biển số 66GA-03475 (mua năm 2016, giá trị định giá là: 7.750.000 đ) – (bà G đứng tên giấy đăng ký xe, ông Ty đang quản lý sử dụng).

Số tài sản này là tài sản chung và sẽ được chia theo quy định. Bà G cho rằng bỏ tiền riêng của bà để mua sắm số tài sản trên (trừ nhà và đất) nhưng bà G không có gì chứng minh, nên không chấp nhận lý lẽ bà G đưa ra.

* Số tài sản mà bà G tạo lập trong thời gian ly thân (từ năm 2017 trở về sau) là:

+ Một căn nhà bê tông (cấp 4) xây vào năm 2018 (ở vị trí phần trước giáp lộ có diện tích đất nêu trên), hiện do bà G quản lý sử dụng, giá trị định giá là: 142.297.000 đồng.

+ Một cái ti vi hiệu Panasonic (nhỏ) 32 in mua năm 2018 (giá trị định giá là: 1.080.000 đồng) và 01 cái tủ lạnh hiệu Aqua mua năm 2017 (giá trị định giá là: 800.000 đồng) - (hiện ông T đang quản lý sử dụng tại căn nhà cũ).

+ Một cái tivi panasonic 43 in (lớn) mua khoảng năm 2019 (ông T, bà G khai), sau khi xây nhà cấp 4, hiện do bà G quản lý sử dụng tại căn nhà xây cấp 4. Giá trị định giá là: 6.000.000 đồng.

+ Một bộ bàn ghế tiếp khách lớn (bằng gỗ cẩm) mua năm 2019 (sau khi cất nhà năm 2018), hiện do bà G quản lý sử dụng tại căn nhà xây cấp 4. Giá trị định giá là: 11.200.000 đồng.

+ Một bộ bàn ghế tiếp khách nhỏ (bằng gỗ thao lao, bên) mua năm 2019 (sau khi cất nhà năm 2018), hiện do bà G quản lý sử dụng tại căn nhà xây cấp 4. Giá trị định giá là: 5.600.000 đồng.

Số tài sản này là của riêng bà G - được chứng minh là mua sắm từ năm 2017 trở về sau, từ nguồn tiền vay, chơi hụi, mua bán bún... như của bà Võ Thị L (vay 50.000.000 đồng), bà Huỳnh Thị K (hốt 3 dây hụi trên 100.000.000 đồng và mượn 30.000.000 đồng), bà Phan Thị T (nhờ hốt hụi trên 50.000.000 đồng, vay 30.000.000 đồng); ông T cho rằng ông có bỏ tiền 100.000.000 đồng và công sức vào việc mua sắm, xây cất số tài sản trên, nhưng ông T không có gì chứng minh, ngoài ra theo ông T khai ông là lao động tự do, ai thuê làm gì thì làm nấy, thu nhập không ổn định mỗi ngày khoảng từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng (chưa trừ ăn uống), vã lại đang trong thời gian ly thân nên việc ông T cho rằng bỏ ra tiền và công sức đóng góp cho việc hình thành số tài sản trên là không có căn cứ (vì ông T không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà G chứng minh được là tài sản riêng như nêu trên), nên không chấp nhận lý lẽ đưa ra và yêu cầu của ông T về việc chia phần tài sản này. Như vậy với phân tích trên thì bà G được quyền tiếp tục quản lý sở hữu số tài sản riêng của mình, tuy nhiên trong vụ án này bà G không yêu cầu công nhận là tài sản riêng của bà, nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

Đối với số tài sản mặt dù là của chung, nhưng bà G đã thống nhất không yêu cầu chia, mà giao cho ông T được quyền sở hữu, sử dụng. Xét thấy đây là tự nguyện của bà G, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, đó là:

+ Một căn nhà ngang 04m, dài 15 nền lót gạch, khung gỗ, lợp tôn cất năm 2010 ở vị trí phần sau diện tích đất nêu trên (nhà cũ), hiện do ông T quản lý sử dụng. (giá trị định giá là: 44.773.000 đồng).

+ Một cái ti vi hiệu Panasonic (nhỏ) 32 in (Mua năm 2018, giá trị định giá là: 1.080.000 đồng) và 01 cái tủ lạnh hiệu Aqua (Mua năm 2017, giá trị định giá là: 800.000 đồng), (hiện ông T đang quản lý sử dụng tại căn nhà cũ).

+ Một chiếc xe Cúp 50 biển số 66GA-03475 (mua năm 2016, bà G đứng tên giấy đăng ký xe, ông T đang quản lý sử dụng, giá trị định giá là: 7.750.000 đồng).

* Còn lại số tài sản chung sẽ được chia giữa ông T, bà G là:

+ Phần đất theo đo đạc thực tế là 259m^2 thuộc thửa 124, 198 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L,

huyện H, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này mua của ông Thái Văn K vào năm 2007 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị định giá là: 400.000 đồng/m^2). Có chiều ngang là 05mét, chiều dài (cạnh hướng nam) là 51,9mét, chiều dài (cạnh hướng bắc) là 52,2 mét. Xét thấy trên phần đất này hiện đang có xây, cất hai căn nhà: một căn phía trước giáp lộ là nhà bà G sở hữu (nhà mới cấp 4), nhà phía sau là nhà ông T sở hữu (nhà cũ, gỗ), nên sẽ được chia đôi và để thuận tiện trong sở hữu nhà gắn liền với đất, do đó bà G được sử dụng phần đất phía trước giáp lộ, ông T được sử dụng phần đất nối liền phía sau (cũng giáp lộ) – sự phân chia đất theo vị trí này là được sự thống nhất của ông T, bà G tại phiên tòa, đồng thời theo sự thống nhất của bà G là nếu qua cắt chia mà căn nhà của ông T dính vào phần đất của bà được chia thì bà cho ông T tiếp tục ở cho đến khi ông T cất nhà mới, xét thấy sự thống nhất của bà G là tự nguyện, nên chấp nhận.

+ Một chiếc xe Honda Future biển số 66G1-19913 (mua năm 2015, giá trị định giá là: 10.400.000 đồng) – (bà G đứng tên giấy đăng ký xe và đang quản lý sử dụng). Chiếc xe này bà G tiếp tục sở hữu và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị cho ông T là: 5.200.000 đồng – được ông T đồng ý.

[3]. Đối với phần đất được xem xét chia nêu trên là ông T, bà G chuyển nhượng của ông Thái Văn K vào năm 2007 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng) – hiện nay ông K không rỏ địa chỉ ở đâu. Phần đất này là của cha mẹ để lại, ông Thái Văn C đứng ra cắt chia cho anh em (trong đó có ông K một phần – đã chuyển nhượng cho ông T, bà G như đã nêu), nay ông C không tranh chấp gì đối với phần đất này và ông K thì không rõ địa chỉ ở đâu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, mà xem đó là đất ông T, bà G chuyển nhượng hợp pháp từ chỗ ông K.

[4]. Theo lời khai của bà G là có vay, chơi hụi của một số người như: bà Võ Thị L, bà Huỳnh Thị K, bà Phan Thị T để có nguồn vốn mua sắm số tài sản và xây nhà như đã nêu trên, số nợ này bà G đã thanh toán xong, các chủ nợ cũng thừa nhận và không yêu cầu trong vụ án này, bà G cũng không yêu cầu ông T trả lại số nợ này, nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì đối với phần nhà của ông T, bà G có phạm vào một phần đất của ông C, bà N (là cha, mẹ ruột bà G), nhưng trong vụ án này ông C, bà N, ông T, bà G thống nhất không tranh chấp, để thỏa thuận sau, ông T, bà G tiếp tục ở. Xét thấy việc thống nhất nêu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và đã không tranh chấp trong vụ án, nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Xét thấy đây là vụ án chia tài sản sau khi ly hôn, nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, ông T đã nộp tạm ứng tổng cộng là: 2.594.000 đồng, vậy bà G phải hoàn trả lại cho ông T là: 1.297.000 đồng.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Đây là vụ án chia tài sản sau khi ly hôn, nên mỗi bên phải

chịu 5% án phí trên giá trị tài sản mình được chia và sẽ được trừ vào phần tiền tạm ứng án phí mà mỗi bên đã nộp khi đã yêu cầu ban đầu.

[8]. Với nhận định trên xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 155, 157, 164, 165, 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 33, 43, 59, 62, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 213, 219 Bộ luật dân sự; các Điều 95, 100, 170, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu và sự tự nguyện của bị đơn bà Thái Thị G.

3. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu, sử dụng số tài sản chung được chia như sau:

* Phần đất có diện tích là 129,7m^2 thuộc một phần các thửa 124, 198 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này chuyển nhượng của ông Thái Văn K vào năm 2007 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị định giá là: 400.000 đồng/m^2). Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Có vị trí như sau:

+ Hướng đông giáp: Đất ông Thái Văn C dài 26,10 mét.(từ M6 đến M10)

+ Hướng tây giáp: Đất ông Thái Văn Đ, dài 25,95 mét.(từ M7 đến M9)

+ Hướng nam giáp: Đất ông Huỳnh Long H, dài 05 mét.(từ M6 đến M7)

+ Hướng bắc giáp: Đất bà Thái Thị G (được chia), dài 05 mét.(từ M9 đến M10)

(Có sơ đồ đo đạc TĐ:07-2020 ngày 09/7/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự kèm theo)

* Một căn nhà ngang 04 mét, dài 15 mét, nền lót gạch, khung gỗ, lợp tôn cất năm 2010 (nhà cũ), hiện do ông Nguyễn Văn T quản lý sử dụng (giá trị định giá là: 44.773.000 đồng) và đang được cất trên phần đất được chia nêu trên. Nhà này bà Thái Thị G tự nguyện giao sở hữu cho ông Nguyễn Văn T, không yêu cầu chia. *(căn nhà này có phạm một phần vào phần đất bà G được chia, một phần đất của ông C, bà N, nhưng bà G không yêu cầu ông T phải di dời và ông C, bà N không tranh chấp)*

* Một cái ti vi hiệu Panasonic (nhỏ) 32 in (giá trị định giá là: 1.080.000 đồng) và 01 cái tủ lạnh hiệu Aqua (giá trị định giá là: 800.000 đồng), (hiện ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng tại căn nhà cũ). (được mua khoảng năm

2017, 2018). Hai tài sản này bà Thái Thị G tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn T sở hữu, không yêu cầu chia.

* Một chiếc xe nhãn hiệu: SYMEX50, màu sơn: Xanh, số máy: 139FMB513918, số khung: B5UMET513918, model: EX50, biển số 66GA-034.75 (mua năm 2016, bà Thái Thị G đứng tên giấy đăng ký xe, ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng, giá trị định giá là: 7.750.000 đồng). Xe này bà Thái Thị G tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn T sở hữu, không yêu cầu chia, nên bà Thái Thị G có trách nhiệm làm thủ tục sang tên quyền sở hữu cho ông Nguyễn Văn T.

4. Bị đơn bà Thái Thị G được quyền sở hữu, sử dụng số tài sản chung được chia như sau:

* Phần đất có diện tích là 129,3m^2 thuộc một phần các thửa 124, 198 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm - tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này chuyển nhượng của ông Thái Văn K vào năm 2007 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị định giá là: 400.000 đồng/m^2). Bà Thái Thị G có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. *(Phần đất này tiếp giáp với phần đất cắt chia cho ông Nguyễn Văn T về phía giáp lộ và có dính vào một phần nhà của ông Nguyễn Văn T được chia, theo tự nguyện của bà Thái Thị G thì ông Nguyễn Văn T được sử dụng căn nhà cho đến khi cất nhà mới, thì trả đất cho bà Thái Thị G)*. Có vị trí như sau:

+ Hướng đông giáp: Đất ông Thái Văn C, dài 26,10 mét.(từ M3 đến M10)

+ Hướng tây giáp: Đất ông Thái Văn Đ, dài 25,95 mét.(từ M2 đến M9)

+ Hướng nam giáp: Đất ông Nguyễn Văn T (được chia), dài 05 mét.(từ M9 đến M10)

+ Hướng bắc giáp: Lộ nhựa, dài 05 mét. (từ M2 đến M3)

(Có sơ đồ đo đạc TĐ:07-2020 ngày 09/7/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự kèm theo)

* Một chiếc xe nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Đỏ-Ghi, số máy: 53E-2020730, số khung: 61EY020680, model: FUTURE, biển số 66G1-199.13 (mua năm 2015, giá trị định giá là: 10.400.000 đồng) – (bà Thái Thị G đứng tên giấy đăng ký xe và đang quản lý sử dụng). Bà Thái Thị G tiếp tục sở hữu và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị xe cho ông Nguyễn Văn T là: 5.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Thái Thị G mỗi người phải chịu 1.297.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là:

2.594.000 đồng, nên ông Nguyễn Văn T đã nộp xong, vậy bị đơn bà Thái Thi G phải hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 1.297.000 đồng.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu: 5.574.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp là: 2.100.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0001260 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn ông Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là: 3.474.000 đồng.

- Bị đơn bà Thái Thị G phải chịu: 2.846.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Thái Thị G đã nộp là: 1.295.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012990 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy bị đơn bà Thái Thị G còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là: 1.551.000 đồng.

7. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Thái Thị G, người liên quan chị Nguyễn Thị Trúc M anh Nguyễn Thành L, ông Thái Văn C, và Võ Thị N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/12/2021). Đối với người liên quan ông Thái Văn C vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

8. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách